

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 161/TTr-SNV ngày 05/4/2016 và đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 21/TTr-SNN ngày 26/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên. **Điều**

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/4/2016 và thay thế các Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 21/10/2008; Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 07/7/2009 và Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 11/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quản lý nhà nước về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Yên có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; quy hoạch phòng, chống thiên tai phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, mục tiêu quốc phòng, an ninh của địa phương; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức thuộc Sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; dự thảo quy định điều kiện, tiêu

chuẩn, chức danh lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông nghiệp của Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân thị xã, thành phố.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Ban hành Quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của các tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh đặt tại địa bàn huyện, thị xã, thành phố với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (dưới đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã, phường, thị trấn với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về: Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về nông nghiệp (trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y):

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phương án sử dụng đất dành cho trồng trọt và chăn nuôi sau khi được phê duyệt và biện pháp chống thoái hóa, xói mòn đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện công tác giống cây trồng, giống vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng;

d) Tổ chức công tác bảo vệ thực vật, thú y, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh động vật, thực vật đối với sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định; thực hiện kiểm dịch cửa khẩu về động vật, thực vật theo quy định;

đ) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các vật tư hàng hoá thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về giết mổ động vật theo quy định của pháp luật;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

5. Về lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và quyết định xác lập các khu rừng phòng hộ, khu rừng đặc dụng, khu rừng sản xuất trong phạm vi quản lý của địa phương sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc phân loại rừng, xác định ranh giới các loại rừng, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức thực hiện phương án giao rừng cho Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã sau khi được phê duyệt; tổ chức thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, công nhận quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng cho tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện dự án đầu tư về lâm nghiệp tại Việt Nam; tổ chức việc lập và quản lý hồ sơ giao, cho thuê rừng và đất để trồng rừng;

d) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, bản và giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về giống cây lâm nghiệp; tổ chức việc bình tuyển và công nhận cây mẹ, cây đầu dòng và rừng giống trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phương án, biện pháp, chỉ đạo, kiểm tra về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và sử dụng vật tư lâm nghiệp; trồng rừng; chế biến và bảo quản lâm sản; phòng, chống dịch bệnh gây hại rừng; phòng, chữa cháy rừng;

e) Chịu trách nhiệm phê duyệt phương án điều chế rừng, thiết kế khai thác rừng và thiết kế công trình lâm sinh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và kiểm tra việc trồng rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; phát triển cây lâm nghiệp phân tán theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra: Việc cho phép mở cửa rừng khai thác và giao kế hoạch khai thác cho chủ rừng là tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi được phê duyệt; việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong bảo vệ rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Về diêm nghiệp: Hướng dẫn, kiểm tra việc sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến muối ở địa phương.

7. Về thủy sản:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện quy định pháp luật về nuôi trồng, khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản; hành lang cho các loài thủy sản di chuyển khi áp dụng các hình thức khai thác thủy sản; công bố bổ sung những nội dung quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về danh mục các loài thủy sản bị cấm khai thác và thời gian cấm khai thác; các phương pháp khai thác, loại nghề khai thác, ngư cụ

cấm sử dụng hoặc hạn chế sử dụng; chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác; mùa vụ, ngư trường khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về xác lập các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa của địa phương; quy chế quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn vùng nước nội địa do địa phương quản lý và quy chế vùng khai thác thủy sản ở sông, hồ, đầm và các vùng nước tự nhiên khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Tổ chức đánh giá nguồn lợi thủy sản; tổ chức tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định;

đ) Quản lý thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất để xử lý, cải tạo môi trường dùng trong thủy sản theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc lập quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm thẩm định quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản của cấp huyện và tổ chức thực hiện việc quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

g) Tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc giao, cho thuê, thu hồi mặt nước biển thuộc địa phương quản lý để nuôi trồng thủy sản theo quy định;

h) Tổ chức kiểm tra chất lượng và kiểm dịch giống thủy sản ở các cơ sở sản xuất giống thủy sản; tổ chức thực hiện phòng trừ và khắc phục hậu quả dịch bệnh thủy sản trên địa bàn theo quy định;

i) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tàu cá, cảng cá, bến cá, tuyến bờ, khu neo đậu tránh, trú bão của tàu cá và đăng kiểm, đăng ký tàu cá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định pháp luật; về quy chế và tổ chức quản lý hoạt động của chợ thủy sản đầu mối;

k) Phối hợp với lực lượng Kiểm ngư của Trung ương tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật.

8. Về thủy lợi:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước thủy lợi, công trình thủy lợi và chương trình mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra về việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước thủy lợi; các công trình thủy lợi thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện chương trình, mục tiêu cấp, thoát nước nông thôn đã được phê duyệt;

b) Thực hiện các quy định về quản lý sông, suối, khai thác sử dụng và phát triển các dòng sông, suối trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm về việc xây dựng, khai thác, bảo vệ đê điều, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai; xây dựng phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện việc phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn việc xây dựng quy hoạch sử dụng đất thủy lợi, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; về hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V; việc quyết định phân lũ, chậm lũ để hộ đê trong phạm vi của địa phương theo quy định;

e) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn theo quy định.

9. Về phát triển nông thôn:

a) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn trên địa bàn;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định phân công, phân cấp thẩm định các chương trình, dự án liên quan đến di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; việc phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn phát triển kinh tế hộ, trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện theo quy định; định canh, di dân, tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

đ) Tổ chức thực hiện chương trình, dự án hoặc hợp phần của chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; xây dựng khu dân cư; xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Về chế biến và thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực chế biến gắn với sản xuất và thị trường các ngành hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề gắn với hộ gia đình và hợp tác xã sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình phát triển chế biến, bảo quản đối với các ngành hàng nông, lâm, thủy sản và muối; lĩnh vực cơ điện nông nghiệp, ngành nghề, làng nghề nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở;

c) Thực hiện công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại nông sản, lâm sản, thủy sản và muối thuộc phạm vi quản lý của Sở;

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.

11. Về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và thực hiện chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Thống kê, đánh giá, phân loại về điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông, lâm, thủy sản, muối;

c) Thực hiện các chương trình giám sát an toàn thực phẩm, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm trên địa bàn theo quy định;

d) Xử lý thực phẩm mất an toàn theo hướng dẫn của Cục quản lý chuyên ngành và quy định pháp luật;

đ) Quản lý hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo về chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật;

e) Quản lý hoạt động kiểm nghiệm, tổ chức cung ứng dịch vụ công về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông theo quy định của pháp luật.

13. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản và hoạt động phát triển nông thôn tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng kiểm, đăng ký, cấp và thu hồi giấy phép, chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

15. Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, diêm nghiệp, phát triển nông thôn; tổ chức công tác thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, diễn biến rừng, mặt nước nuôi trồng thủy sản và hoạt động thống kê phục vụ yêu cầu quản lý theo quy định.

16. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các dự án và xây dựng mô hình phát triển về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, diêm nghiệp, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, dự án được giao.

17. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy định của pháp luật.

18. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối của tỉnh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về các dịch vụ công do Sở tổ chức thực hiện.

19. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, diêm nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

20. Thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn Nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

21. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân thị xã, thành phố, chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý, phối hợp công tác và chế độ thông tin báo cáo của tổ chức nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp tỉnh đặt trên địa bàn cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp huyện; các nhân viên kỹ thuật trên địa bàn xã với Ủy ban nhân dân cấp xã.

22. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

23. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phát triển nông thôn, phòng, chống thiên tai, chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối trong phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

24. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng nông thôn mới; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; sa mạc hóa; quản lý buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

25. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

26. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của văn phòng, phòng chuyên môn nghiệp vụ, chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở

phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo hướng dẫn chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

27. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn làm công tác quản lý về nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật, theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

29. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

30. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ**

Điều 3. Lãnh đạo Sở

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

2. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu; cung cấp tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh; trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về những vấn đề trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp với Giám đốc Sở khác, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Sở.

3. Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở phụ trách một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

4. Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo tiêu chuẩn chức danh của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn ban hành và theo quy định của pháp luật. Giám đốc, Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm Chi cục trưởng. Trường hợp phải kiêm nhiệm thì thời gian kiêm nhiệm không quá 12 tháng. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

1. Văn phòng Sở.
2. Thanh tra Sở.
3. Phòng Kế hoạch, Tài chính.
4. Phòng Tổ chức cán bộ.
5. Phòng Quản lý xây dựng công trình.
6. Phòng Khoa học, Môi trường và Hợp tác phát triển.

Điều 5. Các chi cục trực thuộc Sở

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Bảo vệ thực vật và bộ phận trồng trọt Phòng Nông nghiệp thuộc Sở).

2. Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Thú Y và bộ phận chăn nuôi Phòng Nông nghiệp thuộc Sở).

3. Chi cục Kiểm lâm (Thành lập trên cơ sở hợp nhất Chi cục Lâm nghiệp và Chi cục Kiểm lâm).

4. Chi cục Thủy sản (Thành lập trên cơ sở tổ chức lại Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và Phòng Thủy sản thuộc Sở).

5. Chi cục Thủy lợi (Đổi tên Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão thành Chi cục Thủy lợi).

6. Chi cục Phát triển nông thôn.
7. Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Điều 6. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

1. Trung tâm Khuyến nông (Đổi tên Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư thành Trung tâm Khuyến nông).

2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.
3. Trung tâm Giống và Kỹ thuật cây trồng.
4. Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi.
5. Trung tâm Giống và Kỹ thuật thủy sản.
6. Trung tâm Quy hoạch thiết kế nông nghiệp và phát triển nông thôn.
7. Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu.
8. Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân.
9. Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa.

10. Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa (Đổi tên Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Bàn Thạch thành Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa).

11. Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh.

12. Ban Quản lý cảng cá.

Điều 7. Các tổ chức khác thuộc Sở

Các tổ chức, đơn vị khác thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có) được thành lập, hoạt động theo các quy định quản lý chuyên ngành của Trung ương, để thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn nhất định do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 8. Biên chế

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất, năng lực, sở trường của công chức, viên chức nhà nước theo quy định.

Chương III

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC TỔ CHỨC THUỘC VÀ TRỰC THUỘC

Điều 9. Chức năng và cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở

1. Văn phòng Sở:

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở về công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, kế toán, thông tin, pháp chế, cải cách hành chính và quản trị đối với các hoạt động của Sở.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Văn phòng, không quá 02 Phó Chánh Văn phòng, công chức chuyên môn, nghiệp vụ và nhân viên giúp việc.

2. Thanh tra Sở:

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Thanh tra Sở có con dấu riêng để hoạt động.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Thanh tra, không quá 02 Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên.

3. Phòng Kế hoạch, Tài chính:

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển, tài chính, thống kê, tổng hợp, xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Sở.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Phòng Tổ chức cán bộ:

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở về công tác tổ chức bộ máy, công chức, viên chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Phòng Quản lý xây dựng công trình:

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, diêm nghiệp và phát triển nông thôn do Sở làm chủ đầu tư hoặc theo ủy quyền của cấp có thẩm quyền.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

6. Phòng Khoa học, Môi trường và Hợp tác phát triển:

a) Chức năng: Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác khoa học, công nghệ, môi trường, hợp tác phát triển ngành, theo dõi các chuyên đề.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 10. Các chi cục trực thuộc Sở

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, phân bón, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật nội địa, thuốc bảo vệ thực vật, khử trùng và quản lý dịch vụ công thuộc phạm vi lĩnh vực được giao trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

- + Phòng Thanh tra, Pháp chế;
- + Phòng Trồng trọt;
- + Phòng Bảo vệ thực vật.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Chi cục:

- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thành phố Tuy Hòa;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thị xã Sông Cầu;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Đồng Xuân;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Tuy An;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Sơn Hòa;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Tây Hòa;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Phú Hòa;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Đông Hòa;
- + Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện Sông Hinh;
- + Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa.

Mỗi trạm có nhà làm việc, có con dấu riêng để hoạt động, có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng và viên chức, nhân viên giúp việc.

c) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức và tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Chi cục Chăn nuôi và Thú y:

a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi và thú y (riêng thú y thủy sản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Chăn nuôi, Cục Thú y trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Phòng Hành chính, Tổng hợp;

- + Phòng Thanh tra, Pháp chế;
- + Phòng Quản lý giống và Kỹ thuật chăn nuôi;
- + Phòng Quản lý thuốc và Thức ăn chăn nuôi;
- + Phòng Quản lý dịch bệnh.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Chi cục:
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y thành phố Tuy Hòa;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Sông Cầu;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Đồng Xuân;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Tuy An;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện huyện Sơn Hòa;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện huyện Tây Hòa;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện huyện Phú Hòa;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Đông Hòa;
 - + Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Sông Hinh;
 - + Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật;
 - + Trạm Kiểm dịch động vật Hảo Sơn.

Mỗi trạm có nhà làm việc, có con dấu riêng để hoạt động, có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng và viên chức, nhân viên giúp việc.

c) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Chi cục Chăn nuôi và Thú Y do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức và tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

3. Chi cục Kiểm lâm:

a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Kiểm lâm là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Chi cục Kiểm lâm chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Kiểm lâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- + Phòng Hành chính, Tổng hợp;
- + Phòng Thanh tra, Pháp chế;
- + Phòng Quản lý, Bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên;
- + Phòng Sử dụng và Phát triển rừng;
- + Phòng Tổ chức, Tuyên truyền và Xây dựng lực lượng.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức thuộc Chi cục: Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng;

Đội có con dấu riêng để hoạt động, có Đội trưởng, không quá 02 Phó Đội trưởng và công chức chuyên môn.

- Các tổ chức trực thuộc Chi cục:

- + Hạt Kiểm lâm thành phố Tuy Hòa;
- + Hạt Kiểm lâm thị xã Sông Cầu;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Xuân;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Tuy An;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Sơn Hòa;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Tây Hòa;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Phú Hòa;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Đông Hòa;
- + Hạt Kiểm lâm huyện Sông Hinh;
- + Ban Quản lý rừng đặc dụng Đèo Cả;
- + Ban Quản lý rừng đặc dụng Krông Trai.

Các Hạt Kiểm lâm huyện, thị xã, thành phố có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động; có Hạt trưởng, không quá 02 Phó Hạt trưởng. Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Hành chính tổng hợp; Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; Thanh tra, Pháp chế; Sử dụng và Phát triển rừng; Tổ Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng; các Trạm Kiểm lâm.

Các Ban Quản lý rừng đặc dụng có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động; có Trưởng ban và không quá 02 Phó Trưởng ban. Bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ gồm: Hành chính, Tổng hợp; Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên; Thanh tra, pháp chế; Sử dụng và phát triển rừng; Tổ Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng.

c) Biên chế công chức của Chi cục Kiểm lâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

4. Chi cục Thủy sản:

- a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Thủy sản là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về nuôi trồng, thức ăn thủy sản, chất lượng giống thủy sản, khai thác, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Chi cục Thủy sản chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Thủy sản có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Thanh tra, Pháp chế;

+ Phòng Nuôi trồng thủy sản;

+ Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản;

+ Phòng Tàu cá, Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Chi cục:

+ Trạm Thủy sản thị xã Sông Cầu;

+ Trạm Thủy sản huyện Tuy An;

+ Trạm Thủy sản huyện Đông Hòa.

Mỗi trạm có trụ sở, có con dấu riêng để hoạt động; trạm có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng và công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Chi cục Thủy sản do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức và tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

5. Chi cục Thủy lợi

a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Thủy lợi là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi, đê điều và phòng, chống lụt, bão, thiên tai, nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

- Chi cục Thủy lợi chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Thủy lợi có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Thanh tra, Pháp chế;

+ Phòng Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn;

+ Phòng Phòng, chống thiên tai.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Biên chế công chức của Chi cục Thủy lợi do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

6. Chi cục Phát triển nông thôn:

a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Phát triển nông thôn là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; kinh tế trang trại; kinh tế hộ; quy hoạch và bố trí, ổn định dân cư, di dân tái định cư; phát triển nông thôn; an sinh xã hội nông thôn; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; cơ điện nông nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn.

- Chi cục Phát triển nông thôn chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, Cục Chế biến Nông lâm thủy sản và nghề muối trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại;

+ Phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư;

+ Phòng Cơ điện, Ngành nghề nông thôn.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Biên chế công chức, số lượng người làm việc của Chi cục Phát triển nông thôn do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức và tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

7. Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản:

a) Vị trí, chức năng:

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh; chế biến, thương mại nông, lâm, thủy sản và muối tại địa phương.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cục Chế biến Nông lâm thủy sản và nghề muối trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở và kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Thanh tra, Pháp chế;

+ Phòng Quản lý chất lượng;

+ Phòng Chế biến, Thương mại.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng biên chế công chức và tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

Điều 11. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

1. Trung tâm Khuyến nông:

a) Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Khuyến nông là đơn vị sự nghiệp công lập có thu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo; thông tin và tuyên truyền; ứng dụng và chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; tư vấn và dịch vụ về khuyến nông trong phạm vi cả tỉnh về các lĩnh vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản; chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Sở; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Khuyến nông có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Khuyến nông;

+ Phòng Khuyến ngư;

+ Phòng Thông tin, Đào tạo.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Trung tâm:

+ Trạm Khuyến nông thành phố Tuy Hòa;

+ Trạm Khuyến nông thị xã Sông Cầu;

+ Trạm Khuyến nông huyện Đồng Xuân;

+ Trạm Khuyến nông huyện Tuy An;

+ Trạm Khuyến nông huyện Sơn Hòa;

+ Trạm Khuyến nông huyện Tây Hòa;

+ Trạm Khuyến nông huyện Phú Hòa;

+ Trạm Khuyến nông huyện Đông Hòa;

+ Trạm Khuyến nông huyện Sông Hinh;

+ Trạm Tư vấn, Dịch vụ khuyến nông;

+ Trại Huấn luyện chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp.

Mỗi trạm, trại có nhà làm việc, có con dấu riêng để hoạt động; trạm có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ; trại có Trại trưởng, 01 Phó Trại trưởng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn:

a) Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở xây dựng, tổ chức thực hiện các hoạt động và tư vấn, dịch vụ, thi công về lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật, Truyền thông.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức thuộc Trung tâm: Trạm Cấp nước sinh hoạt

Trạm có con dấu riêng để hoạt động, có Trạm trưởng, không quá 02 Phó Trạm trưởng và nhân viên giúp việc.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

3. Trung tâm Giống và Kỹ thuật cây trồng:

a) Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Giống và Kỹ thuật cây trồng là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, chuyển giao công nghệ và kỹ thuật về các loại giống cây trồng đến các cơ sở, hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Giống và Kỹ thuật cây trồng có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật;

+ Phòng Công nghệ sinh học.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Trung tâm:

+ Trại Giống nông nghiệp Hòa An;

+ Trại Giống nông nghiệp Hòa Đồng;

+ Trạm Thực nghiệm giống lâm nghiệp.

Mỗi trạm, trại có con dấu riêng để hoạt động; trại có Trại trưởng, 01 Phó Trại trưởng, viên chức và nhân viên kỹ thuật; trạm có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng, viên chức và nhân viên kỹ thuật.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

4. Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi:

a) Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở xây dựng và tổ chức thực hiện nghiên cứu, tiếp nhận, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và chuyển giao công nghệ và kỹ thuật về các giống vật nuôi đến các cơ sở, hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, kỹ thuật.

- Tổ chức thuộc Trung tâm: Trại Thực nghiệm giống gia súc.

Trại có con dấu riêng để hoạt động, có Trại trưởng, 01 Phó Trại trưởng và nhân viên kỹ thuật.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

5. Trung tâm Giống và Kỹ thuật thủy sản:

a) Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Giống và Kỹ thuật thủy sản là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở thực hiện việc nghiên cứu, sản xuất, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ và kỹ thuật về các loại giống trong nuôi trồng thủy sản đến các cơ sở, hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Giống và Kỹ thuật thủy sản có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Trung tâm:

+ Trạm Thực nghiệm giống thủy sản nước ngọt;

+ Trạm Thực nghiệm giống thủy sản nước mặn.

Mỗi trạm có con dấu riêng để hoạt động, có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng và nhân viên kỹ thuật.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

6. Trung tâm Quy hoạch thiết kế nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Quy hoạch thiết kế nông nghiệp và phát triển nông thôn là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở trong công tác quy

hoạch, khảo sát, thiết kế lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; lưu trữ tư liệu, cung cấp thông tin, dữ liệu, bản đồ thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; tư vấn, giám sát, thẩm tra hồ sơ thiết kế các công trình nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, xây dựng và các cơ sở hạ tầng nông thôn; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trung tâm Quy hoạch thiết kế nông nghiệp và phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các tổ chức thuộc Trung tâm:

+ Đội Quy hoạch thiết kế nông lâm nghiệp;

+ Đội Quy hoạch thiết kế thủy lợi và Cơ sở hạ tầng nông thôn.

Mỗi đội có Đội trưởng, 01 Phó Đội trưởng và nhân viên kỹ thuật.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

7. Các Ban Quản lý rừng phòng hộ:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu;

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân;

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa;

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa.

- Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh;

a) Vị trí, chức năng:

- Các Ban Quản lý rừng phòng hộ là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ; thực hiện nhiệm vụ sản xuất, dịch vụ lâm nghiệp trên lâm phần được Nhà nước giao; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Các Ban Quản lý rừng phòng hộ có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo

quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Ban: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Các trạm thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu:

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Cù Mông;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Đá Giăng;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Xuân Thịnh.

- Các trạm thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân:

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Phú Tiến;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Phú Đồng;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Chín Bếp.

- Các trạm thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa:

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Phước Tân;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Sơn Hội;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Núi Hòn Ông.

- Các trạm thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Hinh:

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Hòn Cồ;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Buôn Đúc;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Hòn Đen;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Buôn Thung.

- Các trạm thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa:

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Lạc Đạo;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Lạc Sanh;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Hòa Thịnh;

+ Trạm Quản lý bảo vệ rừng Hòa Mỹ.

Mỗi trạm có nhà làm việc, có con dấu riêng để hoạt động, có Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng và nhân viên quản lý bảo vệ rừng.

c) Số lượng người làm việc của các Ban quản lý rừng phòng hộ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

8. Ban Quản lý cảng cá:

a) Vị trí, chức năng:

- Ban Quản lý cảng cá là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có chức năng giúp Giám đốc Sở tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ, duy tu bảo dưỡng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão và cảng cá nghề chuyên dụng theo quy định của Nhà nước; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ban Quản lý cảng cá có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Cơ cấu tổ chức:

- Lãnh đạo Ban: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Phòng Hành chính, Tổng hợp;

+ Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật.

Mỗi phòng có Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và viên chức chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức thuộc Ban Quản lý cảng cá: Cảng cá Đông Tác và các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Cảng có con dấu riêng để hoạt động, có Cảng trưởng, 01 Phó Cảng trưởng và nhân viên giúp việc.

c) Số lượng người làm việc của Ban Quản lý cảng cá do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt và nhân viên hợp đồng.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Căn cứ vào Quy định này và các quy định khác của Nhà nước, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở; các Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức thuộc, trực thuộc Sở.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các chi cục được tổ chức lại có số lượng Phó Chi cục trưởng nhiều hơn quy định tại Quy định này thì tạm thời duy trì số lượng Phó Chi cục trưởng hiện có; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức và số lượng Phó Chi cục trưởng của các Chi cục trực thuộc Sở để đảm bảo số lượng các Phó Chi cục trưởng theo đúng quy định này.

Điều 14. Trên cơ sở chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc được giao, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm bố trí, sử dụng công chức, viên chức của Sở phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Nhà nước.

Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức công chức, viên chức, nhân viên thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đúng theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo đúng phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, tổ chức lại các chi cục, đơn vị sự nghiệp, tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà